

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5  
TRƯỜNG MẦM NON 8

\*\*\*

Số: 28/CV-MN8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

V/v: Báo cáo kết quả công khai  
dự toán ngân sách nhà nước  
Quý II năm 2023.

**Kính gửi:-** Phòng Tài chính - kế hoạch quận 5

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BCT ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Hiệu trưởng Trường Mầm Non 8 đã ra quyết định công khai quyết toán ngân sách nhà nước Quý II năm 2023 ngày 12/07/2023 tại đơn vị dưới hình thức niêm yết tại văn phòng, thông báo trong buổi họp Hội Đồng Sư phạm với nội dung như sau:

**1. Thông báo các nội dung công khai:**

- Công khai quyết toán thu chi ngân sách Quý II năm 2023: Nguồn ngân sách cấp và nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị.

**2. Hình thức công khai:**

- Thông báo trước hội đồng sư phạm.
- Niêm yết tại văn phòng.

**3. Địa điểm, thời gian niêm yết:**

- Niêm yết tại văn phòng trường Mầm non 8.
- Thời gian niêm yết từ ngày 12/07/2023 đến ngày 30/09/2023.

**4. Yêu cầu:** Mọi cán bộ, giáo viên, công nhân viên xem bảng niêm yết các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Chủ tài khoản trường Mầm non 8 để được giải quyết.

Nơi nhận:

- PTCKHQ5;
- HT;
- Lưu VT, KT;

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**Vũ Thị Mai Xinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5  
TRƯỜNG MÀM NON 8

\*\*\*

Số: 15/QĐ-MN8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Quý II năm 2023

### TRƯỜNG MÀM NON 8

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BCT ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ quyết định số: 4379/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND Quận 5 về việc giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách Quý II năm 2023 (đính kèm biểu số 03 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3:** Cán bộ - giáo viên - công nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND/Q5;
- Phòng TC-KH/Q5;
- Lưu: VT, KT;

HIỆU TRƯỞNG  
  
Vũ Thị Mai Xinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 5, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

## BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BCT ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

**I. Thời gian:** Ngày 12 tháng 07 năm 2023.

**II. Địa điểm:** Tại văn phòng trường Mầm Non 8.

**III. Thành phần:**

Gồm toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường Mầm non 8: 28/28 đ/c.

**IV. Nội dung:**

1. Bà Vũ Thị Mai Xinh - Hiệu trưởng trường Mầm non 8 thông qua văn bản công khai.
2. Thông báo các nội dung công khai:
  - Công khai dự toán thu chi ngân sách Quý II năm 2023.
3. Hình thức công khai:
  - Thông báo trước hội đồng sư phạm.
  - Niêm yết tại văn phòng.
4. Địa điểm, thời gian niêm yết:
  - Niêm yết tại văn phòng trường Mầm non 8.
  - Thời gian niêm yết từ ngày 12/07/2023 đến hết ngày 30/09/2023
5. Yêu cầu: Mọi cán bộ, giáo viên, công nhân viên xem bảng niêm yết các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Ban thanh tra nhân dân hoặc Chủ tài khoản trường Mầm non 8.

Biên bản thông qua trước Hội đồng sư phạm hồi 16h30 cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

**CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

**THƯ KÝ**

Tăng Thị Ngọc Hạnh

**HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai Xinh

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG MÀM NON 8**

Chương: **622 - LOẠI 070 - KHOẢN 071**

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

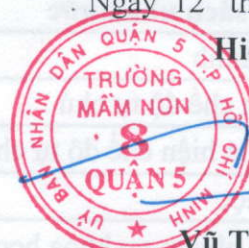
ĐV tính: Ngân đồng

| Số TT     | Nội dung                                       | Dự toán năm      | Ước thực hiện quý/ tháng/năm | So sánh (%)   |                   |
|-----------|------------------------------------------------|------------------|------------------------------|---------------|-------------------|
|           |                                                |                  |                              | Dự toán       | Cùng kỳ năm trước |
| I         | Tổng số dự toán thu                            | 7,420,892        |                              | 88.79%        |                   |
| 1         | Thu sự nghiệp                                  | 1,550,220        | 591,225                      | 38.14%        | 239.08%           |
| 1.1       | Lệ phí                                         |                  |                              |               |                   |
|           | Lệ phí A                                       |                  |                              |               |                   |
|           | Lệ phí B                                       |                  |                              |               |                   |
| 1.2       | Phí                                            |                  |                              |               |                   |
|           | Phí A                                          |                  |                              |               |                   |
|           | Phí B                                          |                  |                              |               |                   |
| 2         | Chi từ nguồn thu phí được để lại               | 1,550,220        | 264,342                      | 17.05%        | 85.67%            |
| 2.1       | Chi sự nghiệp.....                             |                  |                              |               |                   |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |                  |                              |               |                   |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |                  |                              |               |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                         |                  |                              |               |                   |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |                  |                              |               |                   |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |                  |                              |               |                   |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                        |                  |                              |               |                   |
| 3.1       | Lệ phí                                         |                  |                              |               |                   |
|           | Lệ phí A                                       |                  |                              |               |                   |
|           | Lệ phí B                                       |                  |                              |               |                   |
| 3.2       | Phí                                            |                  |                              |               |                   |
|           | Phí A                                          |                  |                              |               |                   |
|           | Phí B                                          |                  |                              |               |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>          | <b>5,870,672</b> | <b>1,501,455</b>             | <b>50.65%</b> | <b>247.14%</b>    |
| 1         | Chi quản lý hành chính                         |                  |                              |               |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               | 1,947,011        | 478,740                      | 24.59%        | 136.39%           |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         | 3,923,661        | 1,022,715                    | 26.06%        | 110.75%           |
| 2         | Nghiên cứu khoa học                            |                  |                              |               |                   |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |                  |                              |               |                   |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |                  |                              |               |                   |

|      |                                                     |           |           |        |         |
|------|-----------------------------------------------------|-----------|-----------|--------|---------|
|      | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                |           |           |        |         |
|      | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở             |           |           |        |         |
| 2.2  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng       |           |           |        |         |
| 2.3  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 3    | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề           | 5,870,672 | 1,501,455 | 50.65% | 247.14% |
| 3.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      | 1,947,011 | 478,740   | 24.59% | 136.39% |
| 3.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                | 3,923,661 | 1,022,715 | 26.06% | 110.75% |
| 4    | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình              |           |           |        |         |
| 4.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 4.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 5    | Chi bảo đảm xã hội                                  |           |           |        |         |
| 5.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 5.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                               |           |           |        |         |
| 6.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 6.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                     |           |           |        |         |
| 7.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 7.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                     |           |           |        |         |
| 8.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 8.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn    |           |           |        |         |
| 9.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 9.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                      |           |           |        |         |
| 10.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                      |           |           |        |         |
| 10.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                |           |           |        |         |
| 11   | Chi Chương trình mục tiêu                           |           |           |        |         |
| 1    | Chi Chương trình mục tiêu quốc gia                  |           |           |        |         |
|      | (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia) |           |           |        |         |
| 2    | Chi Chương trình mục tiêu                           |           |           |        |         |
|      | (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)          |           |           |        |         |

Ngày 12 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng



Vũ Thị Mai Xinh